



CÔNG AN

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

(Từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....)

Mẫu CT13 ban hành
theo TT số 116/2026/TT-BCA
ngày 29/6/2026

I. HỌ, NHÂN KHẨU HIỆN ĐĂNG CƯ TRÚ: Tổng số:..... hộ;..... nhân khẩu; Trong đó:..... NK nữ;..... NK từ 14 tuổi trở lên;
II. THÔNG KÊ THEO HÌNH THỨC CƯ TRÚ

ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ																					
KHÔNG CƯ TRÚ TẠI NƠI ĐÃ ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ																					
Bảo cáo	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Đi ngoài tỉnh			Đi ngoài xã trong tỉnh			Trong xã							
								Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK từ 14 tuổi trở lên					
	Hộ	NK			NK Nữ	Hộ		NK	Hộ		NK	Hộ		NK							
															1		2	3	4	5	6
Kỳ trước	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tăng (+); giảm (-)																					
Kỳ này																					

HỌ, NHÂN KHẨU ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ														Khai báo thông tin về cư trú		
Tổng số		NK nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Ngoài tỉnh đến				Ngoài xã trong tỉnh đến				Trong xã		Hộ	Nhân khẩu	
Hộ	NK			Tổng số		NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số		NK	NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Hộ			NK
				Hộ	NK			Hộ	NK							
22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	

THỰC TẾ CƯ TRÚ NHƯNG CHƯA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ				NHÂN KHẨU LƯU TRÚ				NHÂN KHẨU TẠM VÀNG		ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ					
Tổng số		NK Nữ	NK từ 14 tuổi trở lên	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Nữ	Tổng số	Trong đó				
					Hộ gia đình	C□ số chữa bệnh	C□ số lưu trú du lịch				C□ số lưu trú khác	Theo pháp luật	Theo nghiệp vụ	Đối tượng có tiền án, tiền sự	Đối tượng tương tự
Hộ	NK														
38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53

N

III. CÁC LOẠI HỘ, NHÂN KHẨU

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài về Việt Nam cư trú				Hộ, nhân khẩu trong c□ số tín ngưỡng, c□ số tôn giáo				Hộ, nhân khẩu trong c□ số trợ giúp xã hội				Hộ, nhân khẩu sống trên tàu, thuyền, phụ□ng tiện khác có khả năng di chuyển				Hộ, nhân khẩu ở khu vực biên giới			
Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú		Thường trú		Tạm trú	
Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

IV. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ

ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ											TÁCH HỘ		XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ								
Tổng số		NK mới sinh	Ngoài tỉnh đến		Ngoài xã trong tỉnh đến		Trong xã		Định cư ở nước ngoài về (NK)	Hộ	NK	Tổng số		Trong đó							
Hộ	NK		Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK				Hộ	NK	Chết, mất tích	Vắng mặt từ 12 tháng trở lên	Hủy bỏ đăng ký	Ra nước ngoài định cư	Thối, hủ, tước quốc tịch	Không còn chỗ ở hợp pháp		
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		

ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ						XÓA ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ										GIA HẠN TẠM TRÚ		TIẾP NHẬN THÔNG BÁO LƯU TRÚ									
Tổng số		Ngoài tỉnh đến		Người xã trong tỉnh		Trong xã		Tổng số		Trong đó																	
										Chết, mất tích		Vắng mặt từ 6 tháng trở lên		Hủy bỏ đăng ký		Đã được đăng ký thường trú tại chính n□ tạm trú											
Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK	Hộ	NK																		
23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45					

KHAI BÁO CƯ TRÚ		ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ				XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ				KHAI BÁO TẠM VẮNG					
		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Trong đó		Trong đó			
Hộ	NK	Hộ	NK	Thay đổi chủ hộ	Thay đổi thông tin về hộ tịch	Thay đổi về địa chỉ n□ cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính	Tổng số	Cấp cho NK thường trú trên địa bàn quản lý	Cấp cho NK thường trú khác địa bàn quản lý	Tổng số	Điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú	Điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú	Điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú	Điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Cư trú	
46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	

V. KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

KIỂM TRA CƯ TRÚ					XỬ LÝ VI PHẠM					GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (trường hợp)					
Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Khiếu nại		Tố cáo			
	Hộ gia đình	C□ số chữa bệnh	c□ số lưu trú du lịch	Địa điểm lưu trú khác		Cảnh cáo	Phạt tiền		Hủy bỏ đăng ký		Nhận	Giải quyết	Nhận	Giải quyết	
1	2	3	4	5	6	7	Trường hợp	Số tiền	Thường trú	Tạm trú	11	12	13	14	15

VI CÔNG TÁC TÀNG THU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

KẾT QUẢ CÔNG TÁC TÀNG THU HỒ SƠ CƯ TRÚ										PHƯƠNG TIỆN, NỘI LƯU TRỮ						
Tổng số hồ s□ cư trú đã lập	Hộ s□ đăng ký cư trú đã được cập nhật thông tin					Tra cứu, khai thác hồ s□ tài liệu				Tủ, giá hồ s□		Máy vi tính		Diện tích n□ lưu trữ		
	Trong đó					Trong đó				Trong đó		Trong đó		Trong đó		
	Tổng số	do c□ quan đăng ký cư trú có thẩm quyền chuyển đến	do lực lượng Cảnh sát khu vực, Công an xã và các lực lượng nghiệp vụ khác chuyển đến	do c□ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp	Tổng số	E□ QL cư trú	Yêu cầu nghiệp vụ	Hiện có	Đề xuất bổ sung	Hiện có	Đề xuất bổ sung	Diện tích (m2)	Đề xuất mở rộng (m2)			
1	2	3	4	5	9	10	11	12	13	14	15	16	17			

..... ngày..... tháng..... năm
CÁN BỘ THÔNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của cán bộ thông kê)

..... ngày..... tháng..... năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan)

